

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Ngọc Cẩm.

Ông Hà Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Thủ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 11/3/1999 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú và nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/9/2023, Công an xã N, huyện G xử phạt số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành quyết định ngày 02/11/2023); ngày 23/10/2023, Công an xã N, huyện G xử phạt số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa chấp hành quyết định); bị cáo đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bị bắt tạm giam; bị bắt tạm giam ngày 18/3/2024 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 06/11/1992 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú và nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Ú; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/9/2023, Công an xã N, huyện G xử phạt số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành quyết định ngày 02/11/2023); bị bắt tạm giam ngày 12/3/2024 cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

Ông Trương Văn H, sinh năm: 1969 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Trường T2, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 13/8/2023, bị cáo Nguyễn Văn T1 điện thoại rủ bị cáo Nguyễn Văn Đ đến khu vực sân vườn nhà của gia đình ông Trương Văn H thuộc ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang, mục đích để trộm cây mai vàng và bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân thì được bị cáo Đ đồng ý và nói “để tôi đi, tôi điện cho ông”.

Khoảng 22 giờ, cùng ngày, bị cáo Đ điện thoại cho bị cáo T1 nói “tôi xuống đó nha, có đem theo gì không”, bị cáo T1 trả lời “đem cây sửa được rồi, cây mai mới đặt xuống dùng tay móc thì lên”; khoảng 15 phút sau, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô biển số 68G1-415.69 (xe của ông Nguyễn Văn Đ1) đến chờ bị cáo T1 đi; khi đến nơi bị cáo Đ dẫn xe vào trong hàng rào (không khóa). Các bị cáo Đ và T1 đi đến nơi trồng cây mai vàng, dùng tay lấy đất ra và nhổ một cây mai vàng hoành góc 48cm, cao 02m và bị cáo T1 vác cây mai xuống bờ sông, dùng cây sửa cưa cây mai còn khoảng 01 mét; sau đó bị cáo T1 vác cây mai, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô chở đến nhà ông Nguyễn Trường T2, mục đích gửi ông T2 bán dùm và bị cáo T1 đem cây mai vào nhà ông T2, do đã khuya nên bị cáo Đ nói với ông T2 mai một tính và các bị cáo về nhà.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ và bị cáo T1 còn khai nhận: Khoảng 22 giờ, ngày 15/8/2023, bị cáo Đ điện thoại rủ bị cáo T1 đến khu vực sân vườn của gia đình ông Trương Văn H, thuộc ấp H, xã N, huyện G, tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là cây mai vàng và được bị cáo T1 đồng ý. Bị cáo Đ điều khiển xe mô tô biển số 68G1-415.69 và mang theo cây sửa đến chờ bị cáo T1; khi đến nơi các bị cáo Đ và T1 đi vào đường bên hông (do cửa rào khóa) và đi đến vị trí trồng cây mai vàng (cách nhà khoảng 06 mét), dùng tay lấy đất ra và nhổ cây mai hoàng gốc 34cm, cao 2m, bị cáo Đ vác cây mai mang xuống bờ sông, bị cáo T1 dùng cây sửa cưa cây mai còn khoảng 01 mét. Sau đó, bị cáo Đ vác cây mai, bị cáo T1 điều khiển xe chở đến nhà ông T2 để gửi bán, do trời tối nên ông T2 nói mai tính. Sau đó, các bị cáo về nhà.

Ngày 31/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; ngày 01/3/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định khởi tố bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội Trộm cắp tài sản và ra lệnh bắt tạm giam.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

Một cây mai vàng hoàng gốc 48cm, hoàng ngọn 36cm, cao 51cm; một cây mai vàng hoàng gốc 34cm, hoàng ngọn 24cm, cao 50cm và một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số khung: 5P10DY272291, số máy: 55P1272296, biển số đăng ký: 68G1-415.69.

Vật chứng không thu giữ được: Một cây sửa dài khoảng 50cm, màu vàng-trắng; cán bằng gỗ màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu trắng.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 38 và số 40/TĐG-CT/HĐĐG ngày 07/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xác định:

Một cây mai vàng có chu vi (hoành) gốc 48cm, cao 02m, tán cây rộng 3m; cây mai vàng có dáng hình xuyên, tán điều. Giá thị trường thời điểm ngày 13/8/2023, trị giá là 5.000.000 đồng.

Một cây mai vàng có chu vi (hoành) gốc 34cm, cao 2m, tán cây rộng 2,5m; cây mai vàng có hình dáng thẳng, tán điều. Giá thị trường thời điểm ngày 15/8/2023, trị giá là 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo và người tham gia tố tụng không khiếu nại về các bản kết luận định giá tài sản nêu trên.

Ngày 21/5/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G ra Quyết định xử lý vật chứng trả tài sản cho chủ sở hữu: Trả ông Trương Văn H một cây mai vàng hoàng gốc 48cm, hoàng ngọn 36cm, cao 51cm và một cây mai vàng hoàng gốc 34cm, hoàng ngọn 24cm, cao 50cm. Trả ông Nguyễn Văn Đ1 một xe mô tô nhãn hiệu

YAMAHA, số khung: 5P10DY272291, số máy: 55P1272296, biển số đăng ký: 68G1-415.69.

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKS ngày 20 tháng 6 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đ và bị cáo T1 về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đ từ 09 đến 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo T1 từ 09 đến 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ và bị cáo T1.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G trả tài sản cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ông H là bị hại đã nhận tài sản không yêu cầu, đề nghị không xét.

Đối với ông Nguyễn Trường T2 không biết các cây mai vàng do bị cáo Đ và bị cáo T1 gửi, nhờ bán dùm là tài sản do phạm tội mà có và hai bên không có hứa hẹn hoặc thỏa thuận trước nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Quá trình điều tra, ông Trương Văn H là bị hại khai:

Buổi tối ngày 13 và ngày 15/8/2023, ông phát hiện bị mất tài sản là 02 cây mai vàng của ông nên đến Công an xã N, huyện G trình báo. Ông đã nhận lại tài sản là 02 cây mai bị mất, không yêu cầu bồi thường. Về trách nhiệm hình sự: đề nghị xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Ông là anh ruột của bị cáo Đ, ông không biết việc bị cáo Đ mượn xe mô tô của ông để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản của người khác. Ông đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số: 68G1-415.69.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Trường T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khai:

Hơn 22 giờ, ngày 13 và ngày 15/8/2023, ông đang ở nhà thì bị cáo Đ và bị cáo T1 đem cây mai vàng đến gửi và nhờ bán dùm; bị cáo Đ nói cây mai của bị cáo, ông không biết các cây mai là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có. Đồng thời, ông đã tự nguyện giao nộp 02 cây mai cho Công an xử lý theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đ và bị cáo T1: Biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và không xử phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Đ và bị cáo T1 thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản là đúng với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, cụ thể:

Hơn 22 giờ, ngày 13 và hơn 22 giờ, ngày 15/8/2023, bị cáo Đ và bị cáo T1 lén lút vào sân vườn của gia đình ông Trương Văn H, thuộc ấp H, xã N, huyện G, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 cây mai vàng của ông H. Mục đích các bị cáo lấy trộm tài sản để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân.

Như vậy, lời khai nhận của bị cáo Đ và bị cáo T1 về hành vi trộm cắp tài sản tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Văn bản số 43/CVC ngày 02/12/2023 của Hội S1 xác định: M vàng thuộc loại danh kiểng trong ngành Sinh vật cảnh là cây kiểng có giá trị.

Kết luận định giá tài sản: Một cây mai vàng hoành gốc 48cm, hoành ngọn 36cm, cao 51cm, giá thị trường thời điểm ngày 13/8/2023 là 5.000.000 đồng; một cây mai vàng hoành gốc 34cm, hoành ngọn 24cm, cao 50cm, giá thị trường thời

điểm ngày 15/8/2023 là 3.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo Đ và bị cáo T1 chiếm đoạt là 8.000.000 đồng.

Các bị cáo Đ và T1 đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; hành vi phạm tội của các bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội và được thực hiện với lỗi cố ý nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác.

Đối chiếu hành vi của các bị cáo Đ và T1 với quy định của Bộ luật Hình sự đã đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Đ và T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét vai trò của bị cáo Đ và bị cáo T1 trong vụ án cho thấy: Các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đối với hành vi trộm cắp tài sản tối ngày 13/8/2023, bị cáo T1 có vai trò chủ mưu, rủ rê bị cáo Đ, vừa là người thực hiện hành vi tích cực; bị cáo Đ đồng ý thực hiện tội phạm tích cực. Đối với hành vi trộm cắp tài sản tối ngày 15/8/2023, bị cáo Đ có vai trò chủ mưu, rủ rê bị cáo T1, vừa là người thực hiện hành vi tích cực; bị cáo T1 đồng ý thực hiện tội phạm tích cực. Vì vậy, đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự bần bạc, cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Do đó, khi quyết định hình phạt vai trò đồng phạm đối với bị cáo Đ và bị cáo T1 là bằng nhau.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đ và T1 nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị nghiêm trị. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo T1 và Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần (ngày 13 và ngày 15/8/2023). Do đó, các bị cáo có một tình tiết nặng nề là phạm tội 02 lần, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Đ và T1 thành khẩn khai báo ăn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

Về nhân thân: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Đ và bị cáo T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an xã N, huyện G xử phạt hành chính. Do đó, bị cáo Đ và bị cáo T1 có nhân thân xấu và cần được xem xét khi quyết định hình phạt.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên Kiểm sát viên đề nghị không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Đ và T1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Ông Trương Văn H là bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G ra quyết định trả tài sản cho chủ sở hữu: Trả ông Trương Văn H một cây mai vàng hoành gốc 48 cm, hoành ngọn 36cm, cao 51cm và một cây mai vàng hoành gốc 34cm, hoành ngọn 24cm, cao 50cm. Trả ông Nguyễn Văn Đ1 một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số khung: 5P10DY272291, số máy: 55P1272296, biển số đăng ký: 68G1-415.69. Do đó, Hội đồng xét xử không xử lý.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Đ và T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ là 12 (mười hai) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/3/2024).

1.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 là 12 (mười hai) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 12/3/2024).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/8/2024). Ông Trương Văn H và ông Nguyễn Trường T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- Nhà tạm giữ CAGR;
- Cơ quan điều tra CAGR;
- CQ Thi hành án huyện GR;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát